**TRƯỜNG TIỂU HỌC .....** *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

# PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
## MÔN TOÁN – KHỐI 5
## PHIẾU SỐ 38

*Thời gian làm bài: 40 phút*

**PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM** *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

**Câu 1.** Trong bốn số thập phân dưới đây, số bé nhất là:

**A.** 9,99 **B.** 9,9 **C.** 10,09 **D.** 9,98

**Câu 2.** Làm tròn số 84,763 đến hàng phần trăm ta được:

**A.** 84,763 **B.** 84,78 **C.** 84,77 **D.** 84,76

**Câu 3.** Mẹ mua 3,7 kg táo, mỗi ki-lô-gam giá 36 000 đồng. Mẹ phải trả số tiền là:

**A.** 1 332 000 đồng **B.** 151 200 đồng

**C.** 133 200 đồng **D.** 108 000 đồng

**Câu 4.** 18,94 × 10 = ……

**A.** 1894 **B.** 189,4 **C.** 0,1894 **D.** 1,894

**Câu 5.** 2 tấn 279 kg = …… tấn

**A.** 3,279 **B.** 20,279 **C.** 2,0279 **D.** 2,279

**Câu 6.** Hình tam giác có một góc tù và hai góc nhọn gọi là:

**A.** hình tam giác vuông **B.** hình tam giác nhọn

**C.** hình tam giác tù **D.** hình tam giác đều

**PHẦN 2. TỰ LUẬN** *(Học sinh trình bày lời giải)*

**Bài 1.** Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 15,11 …… 15,21

b) 4,6 …… 4,60

c) 8 tấn 50 kg …… 8,5 tấn

d) 6 ha …… 60 000 m²

**Bài 2.** Tính (viết kết quả dưới dạng phân số tối giản):

a) 13/10 : 3/8 = ……

b) 4/9 + 1/2 = ……

c) 1/2 − 1/8 = ……

**Bài 3.** Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 15,11 × 4 = ……

b) 10,49 × 3,4 + 10,49 × 6,6 = ……

c) 35,9 + 25,3 + 2,1 + 1,7 = ……

**Bài 4.** Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1 m 1 cm = …… m

b) 9 kg 97 g = …… kg

c) 7 ha = …… $m^2$

d) 2600 $m^2$ = …… ha

**Bài 5.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 10 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 10 cm: …… $cm^2$

c) Chu vi hình tròn đường kính 34 dm: …… dm

**Bài 6.** Một tổ may cắt 4 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 3,4 m vải. Giá mỗi mét vải là 95 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

**HẾT**

# ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

*Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 38*

## Phần 1. Trắc nghiệm

| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | D | C | B | D | C |

## Phần 2. Tự luận

**Bài 1.**

a) 15,11 < 15,21

b) 4,6 = 4,60

c) 8 tấn 50 kg < 8,5 tấn

d) 6 ha = 60 000 m²

**Bài 2.**

a) 13/10 : 3/8 = 52/15

b) 4/9 + 1/2 = 17/18

c) 1/2 − 1/8 = 3/8

**Bài 3.**

a) (2,5 × 4) × 15,11 = 10 × 15,11 = 151,1

b) 10,49 × (3,4 + 6,6) = 10,49 × 10 = 104,9

c) (35,9 + 2,1) + (25,3 + 1,7) = 38 + 27 = 65

**Bài 4.**

a) 1,01

b) 9,097

c) 70 000

d) 0,26

**Bài 5.**

a) 10 × 2 × 3,14 = 62,8

b) 10 × 10 × 3,14 = 314

c) 34 × 3,14 = 106,76

**Bài 6.**

Số vải: 3,4 × 4 = 13,6 (m)

Số tiền: 95 000 × 13,6 = 1 292 000 (đồng)